

Bản án: 98/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2020
V/v “ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ghên.

2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1355/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2019 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/5/2020 Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST.HPT, ngày 21/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/12/2019 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Nguyễn Trung H là vợ chồng, sống với nhau năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 22 tháng 11 năm 2017. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Sống không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc. Tình nghĩa vợ chồng rạn nứt khó hàn gắn. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông H vẫn không thay đổi tính tình. Bà đã cho ông H nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà và ông H ly thân từ năm 2018 đến nay, trong thời gian ly thân không hàn gắn. Xét

thấy, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nên bà xin ly hôn với ông Nguyễn Trung H.

Về con chung: Bà và ông H chung sống có 01 con chung Nguyễn Thanh A, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2019, hiện con đang sống với bà. Nếu ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung bà trình bày, tài sản chung giữa bà và ông H không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trung H trình bày: Ông H xác nhận lời trình bày của bà D về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, tài sản chung, nợ chung cũng như con chung là đúng như lời trình bày của bà D, nhưng về mâu thuẫn vợ chồng ông H cho rằng ông và bà D không có mâu thuẫn, chỉ vì hiểu lầm nhau, ông thừa nhận trong thời gian qua ông có đánh bà nhưng không nghiêm trọng là do ông nóng tính, ông thấy việc làm của ông là sai trái bản thân ông hứa sẽ sửa chữa, nay bà D yêu cầu ly hôn ông không đồng ý ly hôn, ông muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn. Về con chung ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, ông không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung không có ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở trình bày của các đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật, bà Nguyễn Thị Hồng D yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Trung H, xét thấy đây là vụ án hôn nhân gia đình, căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, về thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Bà D và ông H cưới nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 22/11/2017 (số 164/2017) nên quan hệ hôn nhân của bà D và ông H được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2]. Xét yêu cầu ly hôn của bà D: Bà D và ông H đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và có thời gian ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử, các bên không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà D vẫn cương quyết yêu cầu xin ly hôn với ông H. Đối với ông H, ông xin được đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng việc yêu cầu của ông H không được bà D chấp nhận. xét thấy, về mâu thuẫn tình cảm giữa bà D và ông H là có cho nên giữa bà D và ông H đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Tại thời điểm này giữa bà D và ông H vẫn còn ly

thân. Điều này, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng D đối với ông Nguyễn Trung H.

[2.3]. Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Đối với con chung, sau khi ly hôn bà D và ông H cả hai đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung về cấp dưỡng không bên nào đặc ra cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi bà D và ông H ly thân bà D là người trực tiếp nuôi con chung vẫn khỏe mạnh và đảm bảo tốt cho việc nuôi con chung. Mặt khác, bà D có chỗ ở và có công việc làm ổn định nên để con chung của bà D và ông H cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Đối với ông H, không trực tiếp nuôi con nhưng ông H phải có trách nhiệm đối với con chung và được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung. Về phần cấp dưỡng nuôi con chung bà D không yêu cầu nên ông H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung cũng như nợ chung: Bà D và ông H thống nhất tài sản chung cũng như nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét đến tài sản chung và nợ chung của bà D và ông H.

Trường hợp sau này đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung cũng như yêu cầu phần cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận theo yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng D đối với ông Nguyễn Trung H.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng D được ly hôn với ông Nguyễn Trung H.

Về quyền nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng D được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thanh A, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2019. Ông Nguyễn Trung H không cấp dưỡng nuôi con chung vì bà Nguyễn Thị Hồng D không yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004407 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, để thi hành.

3. Án sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã Đ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài